

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 243 /2022/HS-ST

Ngày: 24-8-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chính và bà Vi Thị Kiều Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 228/2022/TLST - HS, ngày 05 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm N T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 21 tháng 4 năm 1989, tại tỉnh Yên Bái;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: 9/12;

Họ và tên cha: Phạm Công Nh, sinh năm: 1958; Họ và tên mẹ: Phạm Thị T (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/7/2020 đến ngày 21/7/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Sau đó bị cáo bỏ trốn và bị truy nã, ngày 03/5/2022 bị cáo ra đầu thú; bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột từ ngày 03/5/2022 cho đến nay. Có mặt.

Bị hại:

1. Công ty TNHH I; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th, chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1975 (Đã chết)

Đại diện hợp pháp của chị N: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1973; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Tân T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn A, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn C, huyện G, thành phố Hà Nội (Vắng mặt)

2. Ông Trần Văn S, sinh năm: 1958; địa chỉ: 67A khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào năm 2019 trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và năm 2020 trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Phạm N T đã nhiều lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 03/10/2019, Phạm N T được anh Nguyễn Văn Th là giám đốc Công ty TNHH I (Công ty) nhận vào làm nhân viên bán xăng dầu cho Công ty, nhưng do đang trong thời gian thử việc nên giữa T và Công ty chưa ký hợp đồng lao động. T được giao nhiệm vụ bán xăng dầu cho khách từ 07 giờ đến 15 giờ hằng ngày (gọi là ca làm việc) tại cửa hàng xăng dầu của Công ty ở địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Theo quy định của Công ty, thì khi giao ca người bán xăng dầu phải có trách nhiệm giao sổ sách ghi chép số liệu và số tiền bán xăng dầu trong ca cho anh Th quản lý, theo dõi. Ngày 08/10/2019, trong ca làm việc T bán xăng dầu cho khách được tổng số tiền: 20.598.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm chín mươi tám ngàn đồng). Khi bàn giao việc bán xăng dầu lại cho người bán ca sau là anh Vũ Văn C (sinh năm: 1987; trú tại: Thôn 13, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông), do anh Th không có mặt tại Công ty nên T chỉ bàn giao 01 (một) sổ ghi chép cho anh Ca, còn tiền bán xăng dầu thì T giữ lại. Đến 17 giờ cùng ngày, T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 20.598.000 đồng, là tiền bán xăng dầu của anh Thắng để tiêu xài cá nhân, nên nói dối với anh Ca là đi ra ngoài cắt tóc, rồi T đem theo số tiền trên bỏ trốn đến địa bàn huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiêu xài cá nhân hết. Tối cùng ngày, anh Th về lại Công ty không thấy T bàn giao tiền nên gọi điện thoại cho T thì T nói dối là đang đi cắt tóc sẽ về sau. Sau khi nghe điện thoại, sợ anh Thắng tiếp tục gọi đòi giao tiền nên T tháo chiếc Sim điện thoại vứt bỏ. Do không liên lạc được với T nên anh Thắng đã trình báo vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, yêu cầu xử lý. Ngày 22/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Đắk Nông ra Quyết định truy nã đối với Phạm N T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Vụ thứ hai: Thông qua mạng xã hội Zalo, Phạm N T quen biết với chị Nguyễn Thị Kim N (sinh năm 1975; trú tại: 45/1 L, phường T, thành phố B – Ngày

27/3/2021, chị N chết do tai nạn giao thông). Ngày 30/5/2020, T đi từ Thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố B, rủ chị N đi chơi. Chị N đồng ý và điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus, biển số 47B2-659.01, đến đón T rồi cả hai cùng đi chơi. Trên đường đi chị N giao chiếc xe mô tô trên cho T điều khiển, T chở chị N đến Khu du lịch sinh thái - Văn hóa cộng đồng Kotam. Tại đây, T gửi chiếc xe mô tô biển số 47B2-659.01, tại bãi giữ xe của khu du lịch và giữ vé gửi xe cùng chìa khóa chiếc xe mô tô trên. Sau khi đi dạo một lúc thì T ngồi nghỉ, còn chị N tiếp tục một mình đi dạo trong khu du lịch. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 47B2-659.01 của chị N để bán lấy tiền tiêu xài. Với ý định trên, T đi đến bãi giữ xe đưa vé xe cho nhân viên trông giữ xe là anh Y Y Êban, rồi chiếm đoạt chiếc xe trên đi đến tỉnh Bình Dương, tìm nơi tiêu thụ. Đến ngày 10/7/2020, T đem xe mô tô chiếm đoạt của chị N đến tiệm cầm đồ T, địa chỉ: Số 67A, tổ 3, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, thỏa thuận bán chiếc xe cho chủ tiệm là ông Trần Văn S. Trong quá trình thỏa thuận ông S nghi ngờ chiếc xe mô tô biển số 47B2-659.01, là do T chiếm đoạt của người khác nên đã trình báo đến Công an phường L, thành phố B. Tại Công an phường L, T đã khai nhận hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của chị N. Do đó, Công an phường L đã chuyển hồ sơ vụ việc cùng vật chứng của vụ án là chiếc xe mô tô biển kiểm số 47B2-659.01 đến Cơ quan điều tra Công an thành phố B, để xử lý theo thẩm quyền. Quá trình điều tra T bỏ trốn, ngày 23/9/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, ra Quyết định truy nã đối với Phạm N T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đến ngày 03/5/2022, T đến Công an thành phố Buôn Ma Thuột đầu thú.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 147/KL- HĐĐGTS ngày 27 tháng 7 năm 2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 47B2-659.01, nhãn hiệu Yamaha Taurus, màu sơn đỏ đen, số máy 16S2123854, số khung 6S20AY123848, đã qua sử dụng, trị giá: 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm ngàn đồng).

Bản cáo trạng số: 244/CT-VKS-HS ngày 04/8/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Phạm N T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột sau khi phân tích đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm N T theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Phạm N T phạm tội: “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự, đề nghị: Xử phạt bị cáo Phạm N T mức án: Từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus, biển số 47B2-659.01 (số máy 16S2123854, số khung 6S20AY123848). Quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị Kim N. Ngày 06 tháng 8 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả chiếc xe trên cho chị N nhận quản lý, sử dụng. Chị N và đại diện hợp pháp của chị N không có yêu cầu gì khác.

Quá trình điều tra anh Nguyễn Văn Th đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 02 (hai) tờ giấy kê ngang (trong sổ ghi chép) ghi lại số liệu xăng dầu Phạm N T đã bán được trong ca làm việc ngày 08/10/2019, tại cửa hàng xăng dầu của Công ty TNHH I. Xét thấy, đây là chứng cứ của vụ án nên cần lưu hồ sơ để đảm bảo công tác xét xử.

- Về dân sự: Sau khi nhận lại chiếc xe mô tô biển số 47B2-659.01 chị Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu bồi thường gì thêm. Quá trình điều tra gia đình Phạm N T đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 20.598.000 đồng, là tiền T đã chiếm đoạt của Công ty TNHH I. Anh Th đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của các bị cáo đúng như nội dung trên, và không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Phạm N T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở xác định:

Do ý thức coi thường pháp luật, ham lợi bất chính nên sau khi nhận được tài sản của người khác Phạm N T đã bỏ trốn để chiếm đoạt, cụ thể như sau:

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại địa chỉ: Thôn 3, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, Phạm N T đã chiếm đoạt số tiền 20.598.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm chín mươi tám ngàn đồng) của Công ty TNHH I, do anh Nguyễn Văn Th làm chủ.

Ngày 30 tháng 5 năm 2020, tại địa chỉ: 789 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Phạm N T đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Kim N 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus, biển số 47B2-659.01, trị giá: 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm ngàn đồng).

Xác định tổng trị giá tài sản Phạm N T đã chiếm đoạt là: 24.798.000 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn đồng).

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Phạm N T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 175, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;”

[3] Xét thấy, bị cáo là công dân có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, bị cáo biết rằng tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều sẽ bị pháp luật trừng trị. Song do tham lam tư lợi nên bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4]. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm N T phạm tội 02 lần trở lên nên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Quá trình điều tra, truy tố Phạm N T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn; tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại; sau khi bỏ trốn đã đầu thú; bị hại anh Nguyễn Văn Th có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Phạm N T là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần

xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[5]. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, Điều 47 Bộ Luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus, biển số 47B2-659.01 (số máy 16S2123854, số khung 6S20AY123848). Quá trình điều tra xác định đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị Kim N. Ngày 06 tháng 8 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả chiếc xe trên cho chị N nhận quản lý, sử dụng là phù hợp cần chấp nhận. Sau khi nhận lại chiếc xe mô tô biển số 47B2-659.01 chị Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra gia đình Phạm N T đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 20.598.000 đồng, là tiền T đã chiếm đoạt của Công ty TNHH I. Anh Th đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu bồi thường gì thêm là phù hợp cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm N T phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Bị cáo **Phạm N T**: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/5/2022, khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/7/2020 đến ngày 21/7/2020.

[2] Các biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, Điều 47 Bộ Luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã ra Quyết định xử lý vật chứng giao trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus, biển số 47B2-659.01 (số máy 16S2123854, số khung 6S20AY123848 cho chị Nguyễn Thị Kim N nhận quản lý, sử dụng.

- Chấp nhận việc gia đình bị cáo Phạm N T đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 20.598.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm chín mươi tám ngàn đồng), anh Th đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm N T phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, VKSND TP. BMT;
- TAND tỉnh;
- Công an TP. B;
- CCTHADS TP, THA phạt tù (để thi hành);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Chánh án ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

